

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2026/DS-ST
Ngày 10/6/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Xuân Hòa;
- Bà Nguyễn Thị Diễm Đang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2026/TLST-DS ngày 29/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-DS ngày 14/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ B, ấp S, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vạn N, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2025). Địa chỉ liên hệ: Ấp V, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Tấn T1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vạn N trình bày:

Do có quen biết nên bà T cho bà L vay số tiền 160.000.000 đồng, cụ thể 15/10/2019 bà L vay của bà T 150.000.000 đồng, hạn 6 tháng phải trả, hai bên có viết giấy tờ, lãi suất 1%/tháng nhưng bà L chưa trả lãi; mục đích vay dùng người khác. Ngày 27/10/2022, bà L mượn thêm của bà T 10.000.000 đồng, cam kết trả gốc và bà L viết thêm vào giấy vay tiền ngày 15/10/2019. Ngày 19/8/2025, con bà L là Phạm Tấn T1 trả bà T số tiền 60.000.000 đồng. Còn nợ lại

100.000.000 đồng **T1** ký bảo lãnh và cam kết trả cho bà **T** vào trước ngày 01/01/2026. Tuy nhiên, quá thời hạn vẫn không trả được nên nguyên đơn bà **T** yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **T1** và bà **L** liên đới trả đủ số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện, ông **T1** ký bảo lãnh nên phải có nghĩa vụ liên đới với bà **L** trả cho bà **T** số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà **T** về việc bà có nợ bà **T** số tiền 160.000.000 đồng, con trai bà tên **T1** đã trả được 60.000.000 đồng. Còn lại 100.000.000 đồng bà có trách nhiệm trả cho bà **T** vì đây là nợ riêng của bà không liên quan đến **T1**.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn ông Phạm Tấn T1 trình bày:

Vào ngày 19/8/2025, ông có trả cho bà **T** số tiền 60.000.000 đồng thay cho bà **L** mẹ ông và ông có hẹn trước ngày 01/01/2026 trả số tiền còn lại 100.000.000 đồng. Hiện bà **L** còn nợ bà **T** số tiền 100.000.000 đồng nhưng đây là nợ riêng của bà **L** không liên quan đến ông, ông không đồng ý trả cho bà **T** số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ hợp đồng mượn tiền mặt của các bên thì chỉ có bà **L** mượn tiền của nguyên đơn, ông **T1** không ký mượn tiền, vì vậy nguyên đơn yêu cầu ông **T1** liên đới trả với bà **L** là không có căn cứ. Bà **L** thừa nhận nợ đây là tình tiết rõ ràng không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ với bà **L**, ông **T1** không thừa nhận nợ và không đồng ý liên đới trả cho nguyên đơn nên không có căn cứ buộc ông **T1** liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **L** trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, không chấp nhận ông **T1** liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại **xã P, Thành phố Hồ Chí Minh** và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Phạm Tấn T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào gửi Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay 100.000.000 đồng

Bị đơn bà L thừa nhận còn nợ lại 100.000.000 đồng của nguyên đơn nên đồng ý trả. Bị đơn ông T1 cho rằng đây là nợ riêng của bà L, ông không có trách nhiệm liên đới trả.

[4] HĐXX xét thấy, đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới thanh toán số tiền 100.000.000 đồng: Chứng cứ chứng minh là giấy vay tiền ngày 15/10/2019, ngày 27/10/2022 và sự thừa nhận của bị đơn bà L còn nợ lại 100.000.000 đồng, đây là sự thừa nhận bị đơn nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc ông T1 cho rằng đây là nợ riêng của bà L không liên quan đến ông T1, do đó ông T1 không có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, tại mặt sau của Hợp đồng mượn tiền mặt đề ngày 15/10/2019, ông Phạm Tấn T1 có ghi: “Hôm nay ngày 19/8/2025 tôi Phạm Tấn T1 có trả cho cô T 60.000.000đ tiền nợ của mẹ tôi là bà L. Phần nợ còn lại là 100.000.000 đ tôi hẹn đến trước ngày 01/01/2026 sẽ gặp mặt và giải quyết số tiền còn lại.” “Người viết (bảo lãnh) Phạm Tấn T1”. Như vậy, bị đơn ông Phạm Tấn T1 không ký giấy nhận nợ nhưng đã viết và bảo lãnh cho bà L trả số tiền còn lại cho bà T nên đây là sự xác nhận bảo lãnh của ông T1 điều này phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 335, Khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Dân sự.

Tại Khoản 1 Điều 335 của Bộ luật Dân sự quy định: “Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Đối chiếu với nội dung trên thì thấy, bên có nghĩa vụ là bà L, bên bảo lãnh là ông T1 cam kết với bên có quyền là bà T. Ông T1 ghi: “Tôi hẹn đến trước ngày 01/01/226 sẽ gặp mặt và giải quyết số tiền còn lại. Người viết (bảo lãnh) Phạm Tấn T1”, cam kết này của ông T1 được bà T đồng ý nên quan hệ bảo lãnh giữa các bên được xác lập, bà T là bên nhận bảo lãnh, ông T1 là bên bảo lãnh và bà L là bên được bảo lãnh.

Tại Khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Dân sự quy định: “1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó”. Đối chiếu với cam kết về bảo lãnh giữa các bên, trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh là ông T1 phát sinh khi bà L không trả đủ số tiền nợ cho bà T (hoặc bà L không trả, hoặc không trả đủ), khi đó ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L. Bà T khởi kiện bà L yêu cầu trả nợ là có căn cứ, đối với yêu cầu buộc ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có căn cứ. Ông T1 chỉ là người bảo lãnh khoản vay cho bà L.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 335, Điều 342, Điều 463, Điều 464 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **T**, buộc bị đơn bà **L** phải trả cho bà **T** tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Trường hợp bà **L** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà **T** thì ông **T1** phải trả có nghĩa vụ trả cho bà **T** tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một nên bà **T**, bà **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn bà **L**, bà **T** là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà **L**, bà **T**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 335, khoản 2 Điều 336, khoản 1 Điều 342, Điều 463, Điều 464 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc T** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L**, ông **Phạm Tấn T1** về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông **Phạm Tấn T1** có nghĩa vụ liên đới với bà **Nguyễn Thị Kim L** trả cho bà **Huỳnh Thị Ngọc T** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc T** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Trường hợp bà **Nguyễn Thị Kim L** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà **Huỳnh Thị Ngọc T** thì ông **Phạm Tấn T1** phải trả cho bà **Huỳnh Thị Ngọc T** tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Huỳnh Thị Ngọc T**, bà **Nguyễn Thị Kim L** là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/6/2026). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiên